**Ôn tập Giữa HK II năm học 2023-2024**

 **Môn: Địa lí 9**

**I/Phần trắc nghiệm:**

**Câu 1:**Hai loại đất chiếm diện tích lớn nhất ở Đông Nam Bộ là:

A. Đát xám và đất phù sa B. Đất badan và đất feralit

C. Đất phù sa và đất feralit D. Đất badan và đất xám

**Câu 2:**Khó khăn của Đông Nam Bộ đối với phát triển kinh tế là:

A. Chỉ có hai tỉnh và thành phố giáp biển.

 B. Đất đai kém màu mỡ, thời tiết thất thường.

C. Ít khoáng sản, rừng và nguy cơ ô nhiễm môi trường.

 D. Tài nguyên sinh vật hạn chế và có nguy cơ suy thoái.

**Câu 3**: Đặc điểm nào sau đây **không đúng** với vùng Đông Nam Bộ:

A. Dân cư đông đúc, mật độ dân số khá cao.

B. Thị trường tiêu thụ nhỏ do đời sống nhân dân ở mức cao.

C. Lực lượng lao động dồi dào, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

D. Có sức hút mạnh mẽ với lao động cả nước.

**Câu 4**: Đông Nam Bộ là vùng có khí hậu:

A. Cận xích đạo. B. Nhiệt đới khô.

 C. Nhiệt đới có mùa đông lạnh D. Cận nhiệt đới

**Câu 5:**Khoáng sản quan trọng nhất ở Đông Nam Bộ là:

A. Than B. Dầu khí C. Boxit D. Đồng

**Câu 6:** Đông Nam Bộ có thể phát triển nhanh **không phải** là nhờ:

A. Là trung tâm kinh tế phía Nam. B. Gần nhiều vùng giàu tiềm năng.

C. Gần trung tâm các nước Đông Nam Á. D. Nền nông nghiệp tiên tiến nhất.

**Câu 7:** Các di tích lịch sử, văn hóa ở Đông Nam Bộ là:

A. Bến Cảng Nhà Rồng, Địa đạo Củ Chi, Nhà Tù Côn Đảo.

B. Bến Cảng Nhà Rồng, Địa đạo Củ Chi, Thánh địa Mỹ Sơn.

C. Địa đạo Củ Chi, Nhà Tù Côn Đảo, Phố cổ Hội An.

D. Nhà Tù Côn Đảo, Phố cổ Hội An, Bến Cảng Nhà Rồng.

**Câu 8:** Thành phố có sức thu hút lao động nhất cả nước ở Đông Nam Bộ là:

A. Biên Hòa B. Thủ Dầu Một

C. TP. Hồ Chí Minh D. Bà Rịa – Vũng Tàu

**Câu 9:**Cây cao su được trồng nhiều nhất ở những tỉnh của vùng Đông Nam Bộ:

A. Đồng Nai, TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương B. Bà Rịa – Vũng Tàu, Đồng Nai, Bình Dương.

C. Bình Dương, Bình Phước, Đồng Nai D. Đồng Nai, Bình Phước, Bà Rịa – Vũng Tàu.

**Câu 10:** Tỉnh (thành phố) nào sau đây thuộc Đồng Bằng Sông Cửu Long?

A. An Giang       B. Tây Ninh C. Bình Định       D. Bình Phước

**Câu 11:**Các dân tộc ít người sinh sống ở Đồng bằng sông Cửu Long là:

A. Tày, Nùng, Thái. B. Gia Rai, Ê Đê, Ba Na.

C. Khơ me, Chăm, Hoa. D. Giáy, Dao, Mông.

**Câu 12:**Đồng bằng sông Cửu Long được tạo nên bởi phù sa của sông?

A. Đồng Nai. B. Mê Công. C. Thái Bình. D. Sông Hồng.

**Câu 13** .Vật nuôi phát triển mạnh ở vùng đồng bằng sông Cửu Long là

A. vịt. B. bò. C. cừu. D. lợn.

**Câu 14.** Loại hình giao thông giữ vai trò quan trọng trong đời sống và hoạt động giao lưu kinh tế của người dân vùng đồng bằng sông Cửu Long là

A. Đường ô tô. B. Đường thủy.

C. Đường hàng không. D. Đường biển.

**Câu 15.** Nguyên nhân quan trọng nhất khiến giao thông đường thủy giữ vai trò quan trọng trong đời sống và hoạt động giao lưu kinh tế của người dân vùng đồng bằng sông Cửu Long là

A. Vùng xảy ra lũ lụt và ngập úng quanh năm.

B. Mạng lưới sông ngòi, kênh rạch chằng chịt.

C. Địa hình thấp, nền đất yếu nên đường ô tô, đường sắt không phát triển.

D. Nhu cầu vận chuyển hàng hóa cồng kềnh.

**Câu 16.** Năm 2019, diện tích lúa cả nước là 7469,5 nghìn ha, diện tích lúa của đồng bằng sông Cửu Long là 4068,9 nghìn ha. Tỉ lệ % diện tích lúa của đồng bằng sông Cửu Long so với cả nước là

A. 54,4%. B. 51,4%. C. 53,4%. D. 52,4%.

**Câu 17.** Năm 2019 sản lượng thủy sản của cả nước là 8.270 nghìn tấn. Riêng Đồng bằng sông Cửu Long là 4.638 nghìn tấn, như vậy vùng này chiếm tỉ lệ % so với cả nước là

A. 52,08%. B. 54,25%. C. 55,16%. D. 56,08%.

**Câu 18:** Đồng bằng sông Cửu Long là:

A. Vùng trọng điểm cây công nghiệp lớn nhất cả nước.

 B. Vùng trọng điểm lúa lớn nhất cả nước.

C. Vùng trọng điểm chăn nuôi gia súc lớn nhất cả nước.

 D. Vùng trọng điểm cây thực phẩm lớn nhất cả nước.

**Câu 19:**Bên cạnh là vựa lúa số 1 của cả nước, Đồng bằng sông Cửu Long còn phát triển mạnh:

 A. Nghề rừng. B. Giao thông. C. Du lịch. D. Thuỷ hải sản.

**Câu 20:** Mặt hàng nào sau đây **không phải** là mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Đồng bằng sông Cửu Long?

A. Lúa, gạo.       B. Thủy sản đông lạnh. C. Hoa quả.       D. Khoáng sản.

**II/ Phần tự luận :**

**Câu 1:** Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của Đông Nam Bộ đã mang đến những thuận lợi và khó khăn gì trong phát triển kinh tế của vùng?

**Câu 2:** **Trình bày vị trí địa lý của đồng bằng sông Cửu Long? Ý nghĩa của vị trí địa lí của ĐBSCL?**

**Câu 3:** Những yếu tố nào đã giúp cho đồng bằng sông Cửu Long trở thành vùng sản xuất lương thực lớn nhất cả nước ?

**Câu 4:**  Trình bày những khó khăn về tài nguyên thiên nhiên ở đồng bằng Sông Cửu Long? Nêu giải pháp khắc phục?

**Câu 5:Nêu vị trí địa lí của vùng Đông Nam Bộ? Vị trí địa lí đó có ý nghĩa như thế nào đối với sự phát triển kinh tế của vùng?**

**Câu 6:** Dựa vào kiến thức đã học giải thích tại sao cây cao su lại được trồng nhiều nhất vùng Đông Nam Bộ?

**III/ Phần vẽ biểu đồ :**

**Bài 1:** Cho bảng số liệu:

 **BẢNG: SẢN LƯỢNG THỦY SẢN CỦA ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG VÀ CẢ NƯỚC**

 *Đơn vị: nghìn tấn*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Sản lượng | 1995 | 2002 | 2010 | 2014 |
| Đồng bằng sông Cửu Long | 819,2 | 1252,5 | 2999,1 | 3619,5 |
| Cả nước | 1584,4 | 2647,4 | 5142,7 | 6322,5 |

 Hãy:

a) Tính tỉ trọng sản lượng thủy sản của Đồng bằng sông Cửu Long so với cả nước.

b) Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện quy mô và cơ cấu sản lượng thủy sản của Đồng bằng sông Cửu Long so với cả nước năm 2002 và 2014.

c) Nhận xét sản lượng thủy sản của Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.

**Bài 2:**

Căn cứ vào bảng 31.3:

Bảng 31.3. Dân số thành thị và dân số nông thôn ở Thành phố Hồ Chí Minh

 (Đơn vị: nghìn người)



Hãy vẽ biểu đồ cột chồng thể hiện dân số thành thị và nông thôn ở Thành phố Hồ Chí Minh qua các năm. Nhận xét.

**Bài 3: Dựa vào bảng số liệu 32.2 sau:**

 Cơ cấu kinh tế của TP. Hồ Chí Minh, năm 2002(%)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tổng số** | **Nông, lâm, ngư nghiệp** | **Công nghiệp-Xây dựng** | **Dịch vụ** |
| 100,0 | 1,7 | 46,7 | 56,1 |

Vẽ biểu đồ tròn thể hiện cơ cấu kinh tế của TP. Hồ Chí Minh năm 2002 và nêu nhận xét.

**Bài 4:** Dựa vào bảng sô liệu 36.3 (trang 133 SGK)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **Năm****Vùng** | **1995** | **2000** | **2002** |
| Đồng bằng sông Cửu Long | 819,2 | 1169,1 | 1354,5 |
| Cả nước | 1584,4 | 2250,5 | 2647,4 |

Vẽ biểu đồ cột thể hiện sản lượng thuỷ sản ở Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước. Nêu nhận xét.

 **…………………………………Hết……………………………………………..**